

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 916/2023/HC-PT

Ngày 17 tháng 10 năm 2023.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
về giải quyết khiếu nại”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 502/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2446/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ C, khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số D, đường C, khu phố B, thị trấn D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Quốc T2 – Trưởng Ban bồi thường và, hỗ trợ và tái định cư thành phố P (vắng

mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Hồ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Hồ Thị T trình bày:

Ngày 26/7/2012, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành quyết định số 5048/QĐ-UBND về việc thu hồi 17,90m² đất của bà để làm dự án quy hoạch xây dựng đường trục N đoạn A - D. Thực tế UBND huyện P đã thu hồi của bà diện tích 1.857,4m² đất, trong đó có 141,83m² đất ở đô thị và có cả diện tích đất mặt lộ D – An Thới vị trí 1. Bà T đã nhận được số tiền bồi thường là 1.110.626.700 đồng (Một tỷ một trăm mười triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng). Thời điểm thu hồi đất là năm 2012, lúc này gia đình bà có 07 khẩu, nhưng UBND huyện dùng hộ khẩu năm 2009, lúc ấy gia đình có 6 khẩu để bố trí cho bà 02 nền tái định cư trong kết, mỗi nền chỉ có 120m². Trong khi đó những hộ liền kề với gia đình bà, bị thu hồi diện tích đất nhỏ hơn, nhưng lại được tái định cư rất lớn như: Hộ ông Đồng Văn L, hộ bà Trần Thị T3 được cấp 02 nền tái định cư, mỗi nền 400m², có chiều ngang mặt tiền là 18m, 02 nền là 36m; hộ bà Lê Thị K, Lê Thị S, Nguyễn Thị L1, không có nhà ở khu vực này, mà có nhà ở thị trấn A mà vẫn được tỉnh cấp 01 nền tái định cư, mỗi nền 400m², có chiều ngang mặt tiền là 18m; hộ Phạm Thị T4, Trần Thị Đ, Trần Đình T5 (không có đất thổ cư, chỉ có đất nông nghiệp) mỗi hộ đều được cấp 01 nền tái định cư, mỗi nền 400m², có chiều ngang mặt tiền là 18m. Trị giá mỗi nền tái định cư sinh lợi này chỉ có 450 triệu đồng/400m² (nền mặt tiền), vậy mà nền tái định cư của bà thì 145triệu/120m². Khi đối thoại với Chủ tịch UBND huyện P, thì Chủ tịch UBND huyện P cho rằng “Nền tái định cư là do UBND tỉnh bố trí”. Theo Thông báo số 318/TB ngày 15/8/2018. Bà T làm đơn khiếu nại nhiều lần đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết cho bà một nền tái định cư sinh lợi diện tích 400m² (khu lô K) tại khu tái định cư 73ha, ấp S, xã D, huyện P, như các hộ khác hoặc cấp 03 nền tái định cư tại khu có vị trí sinh lời hoặc trả lại cho bà 500m² đất đã thu hồi mà chưa sử dụng nhưng Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện P vẫn cho rằng bà khiếu nại là sai và việc cấp tái định cho bà là do thực hiện Thông báo số 318/TB ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh K. Vì những điều không bình đẳng trong việc thu hồi đất, bồi thường và tái định cư trên đây.

Bà Hồ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện (nay là thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị T.

Tại Văn bản số 1199 ngày 15/12/2021, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 1369/QĐ- UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch

UBND thành phố ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về trình tự, thủ tục giải quyết: Chủ tịch UBND thành phố thực hiện đúng theo quy định Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Về hình thức văn bản: Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại bằng hình thức Quyết định là đúng với quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011

Nội dung: Ngày 13/9/2013 UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 4369/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 1.857,4m² đối với bà Hồ Thị T để thực hiện dự án quy hoạch xây dựng đường vòng quanh đảo đoạn A - C và ngày 17/9/2013 UBND huyện P ban hành Quyết định số 4566/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Hồ Thị T, theo như nội dung bà T được bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích 1.857,4m² hoa màu, vật kiến trúc, hỗ trợ di dời với tổng số tiền 1.110.626.700 đồng và được hỗ trợ 02 nền tái định cư (việc bố trí 02 nền tái định cư cho bà T được Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xét tại Biên bản số 02/BB-HĐ ngày 06/01/2011). Sau khi được UBND huyện xem xét bố trí 02 nền tái định cư, bà T không đồng ý nên làm đơn yêu cầu gặp Chủ tịch UBND huyện gửi đến UBND huyện với nội dung yêu cầu được bố trí 02 nền tái định cư khu vực thương mại với diện tích 400m².

Ngày 27/4/2018, UBND huyện P ban hành Tờ trình số 110/TTr UBND về việc xin chủ trương bố trí lô nền tái định cư khu nền thương mại 400m² (khu lô K) tại khu tái định cư 73ha, ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với trường hợp của bà Hồ Thị T.

Ngày 15/8/2018 UBND tỉnh K ban hành Thông báo số 318/TB- UBND về việc thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh liên quan đến nội dung xem xét kiến nghị của UBND huyện P tại Tờ trình số 110/TTr- UBND ngày 27/4/2018 đối với trường hợp của bà Hồ Thị T. Theo đó, UBND tỉnh K không thống nhất việc bố trí nền tái định cư thương mại cho bà Hồ Thị T. Lý do diện tích đất bị thu hồi của bà T có vị trí không sinh lợi, nằm trong hẻm rộng 1.4m, cách tỉnh lộ 46 là 51m nên việc xem xét bố trí tái định cư trong khu thương mại là không phù hợp.

Bà T không đồng ý, nên bà khiếu nại yêu cầu UBND huyện P cấp nền tái định cư tại khu đất thương mại 400m² (khu k) tại ấp S, xã D, huyện P tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08/4/2021 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1369/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Hồ Thị T. Theo như Quyết định số 1369/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND thành phố khẳng định việc UBND thành phố cấp 02 nền tái định cư cho bà Hồ Thị T là đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 15 Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh K về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Không thống nhất nội dung khiếu nại của bà Hồ Thị T.

Đồng thời, hiện nay khu vực Lô k (khu vực đất thương mại để nhà nước thực hiện đấu giá theo quy định) thuộc khu tái định cư 73ha S đã được điều chỉnh quy hoạch cục bộ theo Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 và Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh K, thành các lô tái định cư theo quy định để bố trí cho các hộ dân có đủ điều kiện theo quy định về tái định cư.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND thành phố khẳng định việc ban hành Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Hồ Thị T là đúng theo quy định. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P đề nghị TAND tỉnh Kiên Giang bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 04/4/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số 04/2023/QĐ-TA ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 158, Điều 116, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 18, 27, 29, 30, 31, 32 Luật Khiếu nại năm 2011;

Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 15 Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của UBND tỉnh K quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị T.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định bà Hồ Thị T có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Bà Hồ Thị T có diện tích 1.857,38m², trong đó: Đất trồng cây lâu năm diện tích 1.715,55m², đất ở đô thị 141,83m² tại ấp F, thị trấn A (phường A), huyện (nay thành phố) P, tỉnh Kiên Giang bị thu hồi để thực hiện dự án đường vòng quanh đảo P đoạn A – Cửa Lấp theo Quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND huyện P.

Bà T đã được bồi thường, hỗ trợ về đất đai vật kiến trúc và hỗ trợ cho bà 02 suất tái định cư, mỗi suất 120m² tại ấp S, xã D, thành phố P.

Bà T thống nhất với số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đai và vật kiến trúc. Tuy nhiên không đồng ý với 02 nền tái định cư diện tích 120m². Bà yêu cầu được bố trí một nền tái định cư 120m² và 01 nền tái định cư sinh lợi 400m². Nếu không thì bà yêu cầu được bố trí 03 nền tái định cư 120m². Lý do: bà cho rằng khi thu hồi đất nhân khẩu gia đình bà có 07 nhân khẩu.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Hồ Thị T; Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T thống nhất với số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đai và vật kiến trúc. Tuy nhiên không đồng ý với 02 nền tái định cư diện tích 120m². Bà yêu cầu được bố trí một nền tái định cư 120m² và 01 nền tái định cư sinh lợi 400m². Nếu không thì bà yêu cầu được bố trí 03 nền tái định cư 120m². Lý do: bà cho rằng khi thu hồi đất nhân khẩu gia đình bà có 07 nhân khẩu.

Xét thấy: Ngày 27/4/2018, UBND huyện P ban hành Tờ trình số 110/TTr-UBND về việc xin chủ trương bố trí lô nền tái định cư khu nền thương mại 400m² (khu lô K) tại khu tái định cư 73ha, ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với trường hợp của bà Hồ Thị T.

Ngày 15/8/2018, UBND tỉnh K ban hành Thông báo số 318/TB- UBND về việc thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh K liên quan đến nội dung xem xét kiến nghị của UBND huyện P tại Tờ trình số 110/TTr- UBND ngày 27/4/2018 đối với trường hợp của bà Hồ Thị T. Theo đó, UBND tỉnh K không thống nhất việc bố trí nền tái định cư thương mại cho bà Hồ Thị T. Lý do diện tích đất bị thu hồi của bà T có vị trí không sinh lợi, nằm trong hẻm rộng 1,4m, cách tỉnh lộ 46 là 51m nên việc xem xét bố trí tái định cư trong khu thương mại là không phù hợp.

Căn cứ Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 15 Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của UBND tỉnh K quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thì bà T được UBND thành phố P hỗ trợ 02 nền tái định cư, mỗi nền 120m² là đúng quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ đúng pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung và quyết định của Bản án sơ thẩm; Do vậy, xét yêu cầu kháng cáo của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ nhưng bà là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Hồ Thị T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC- ST ngày 04 /4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 158, Điều 116, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 18, 27, 29, 30, 31, 32 Luật Khiếu nại năm 2011;

Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 15 Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của UBND tỉnh K quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị T.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Kiên Giang; (1)
- VKSND tỉnh Kiên Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành

